

ĐỊNH MỨC VÀ PHÂN BỐ TIẾT DẠY THEO THỜI KHÓA BIỂU

HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

Trường THCS Lý Thường Kiệt

Môn học		Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9			Gi ch
		Số tiết	TS lớp	TC	Số tiết	TS lớp	TC	Số tiết	TS lớp	TC	Số tiết	TS lớp	TC	
Toán		4	4	16	4	4	16	4	4	16	4	4	16	
Tin		1	4	4	1	4	4	1	4	4	1	4	4	
KHTN (4 tiết)	Lý	1 (1đến9) 2 (10đến18)	4	4 8	2(1đến9) 1(10đến18)	4	8 4	2(1đến9) 1(10đến18)	4	8 4	1	4	4	
	Hóa	0	0	0	2(1đến9) 2(10đến18)	4	8 8	2(1đến9) 1(10đến18)	4	8 4	2	4	8	
	Sinh	3 (1đến9) 2(10đến18)	4	12 8	0 1(10đến18)	4	0 4	0(1đến9) 2(10đến18)	4	0 8	1	4	4	
Công nghệ (L 6, 7: 35 tiết; L 8, 9: 52 tiết)		1	4	4	1	4	4	2	4	8	1	4	4	
Văn		4	4	16	4	4	16	4	4	16	4	4	16	
Lịch sử và Địa lý (3 tiết)	Sử	1 (1đến9) 2(10đến18)	4	4 8	2(1đến9) 1 (10đến18)	4	8 4	2(1đến9) 1(10đến18)	4	8 4	1(1đến9) 2(10đến18)	4	4 8	
	Địa lý	2 (1đến9) 1(10đến18)	4	8 4	1(1đến9) 2(10đến18)	4	4 8	1(1đến9) 2(10đến18)	4	4 8	2(1đến9) 1(10đến18)	4	8 4	
Công dân		1	4	4	1	4	4	1	4	4	1	4	4	
Tiếng Anh		3	4	12	3	4	12	3	4	12	3	4	12	
Ng. thuật	MT	1	4	4	1	4	4	1	4	4	1	4	4	
	Nhạc	1	4	4	1	4	4	1	4	4	1	4	4	
GD Thể chất		2	4	8	2	4	8	2	4	8	2	4	8	
GDĐP		1	4	4	1	4	4	1	4	4	1	4	4	
HĐTN, HN		3	4	12	3	4	12	3	4	12	3	4	12	
Tổng cộng		29		144	29		144	30		148	29		144	
Tổng tiết TKB/tuần		29			29			30			29			

*** Khối 6,7,9: Tổng 29 tiết/lớp, trong đó:**

- Học 3 buổi sáng 4 tiết ($3 \times 4 = 12$ tiết)
- Học 2 buổi sáng 5 tiết ($5 \times 2 = 10$ tiết)
- Học 02 buổi chiều 2 tiết ($2 \times 2 = 4$ tiết).
- Học 01 buổi chiều 3 tiết ($3 \times 1 = 3$ tiết)

*** Khối 8: Tổng 30 tiết/lớp, trong đó:**

- Học 3 buổi sáng 4 tiết ($3 \times 4 = 12$ tiết)
- Học 2 buổi sáng 5 tiết ($5 \times 2 = 10$ tiết)
- Học 02 buổi chiều 3 tiết ($2 \times 3 = 6$ tiết).
- Học 01 buổi chiều 2 tiết ($2 \times 1 = 2$ tiết)